

DANH SÁCH TẶNG THƯỞNG VÀO THẺ TÍN DỤNG - ĐỢT 4

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
1	NGUYEN LY ANH DUY	4286XX8107	350,000
2	NGUYEN THI XUAN	4111XX8101	700,000
3	NGUYEN HUU PHAT	4286XX6106	350,000
4	NGUYEN THI THUY LINH	4111XX6106	700,000
5	DINH QUOC HOANG	4286XX5106	350,000
6	TRAN HUU LOC	4111XX7108	700,000
7	NGO CHI HIEU	4111XX9108	700,000
8	CHU MAI LINH	4111XX6106	700,000
9	NGUYEN HOANG ANH	4286XX6101	350,000
10	NGUYEN THI HONG TU	4286XX7107	350,000
11	NGUYEN THI KIM CHI	4111XX7104	700,000
12	NGUYEN THI THU	4286XX6109	350,000
13	DO THI QUYEN	4286XX4103	350,000
14	HOANG BA NGHIEM	4111XX3109	700,000
15	PHAM PHUONG THANH	4286XX1100	350,000
16	VO MINH QUAN	4111XX5101	700,000
17	DOAN VAN THANH	4111XX9104	700,000
18	NGO THI TUYET	4111XX0106	700,000
19	NGUYEN PHU TUNG	4111XX8103	700,000
20	HOANG THI LUYEN	4286XX5104	350,000
21	PHAM DUY LONG	4111XX9100	700,000
22	PHAM THI KIM HOA	4111XX8108	700,000
23	TRAN MY HUNG	4111XX8102	700,000
24	NGUYEN KIM YEN	4286XX7100	350,000
25	NGO THI PHUONG HONG	4111XX4108	700,000
26	NGUYEN THUONG HOAI	4111XX8108	700,000
27	PHAM VAN TRUNG	4111XX3108	700,000
28	HA ANH THUONG	4111XX0106	700,000
29	NGUYEN MINH TRANG	4111XX9106	700,000
30	HUYNH DUY NGU	4111XX6109	700,000
31	MA DINH DIEN	4111XX0105	700,000
32	LE THANH THUY	4111XX7102	700,000
33	NGUYEN THI THU HIEN	4111XX1107	700,000
34	LUU THI PHUONG THUY	4286XX7104	350,000
35	NGUYEN QUANG NGAN	4111XX4107	700,000
36	NGUYEN QUANG THANH	4111XX5106	700,000
37	TRINH VAN TAM	4111XX7100	700,000
38	NGUYEN ANH TU	4111XX0108	700,000
39	NGUYEN THI BICH NGOC	4111XX9105	700,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
40	LE DINH NHAT LAM	4286XX3108	350,000
41	NGUYEN THI ANH BINH	4111XX7109	700,000
42	NGUYEN GIA LINH	4111XX5103	700,000
43	NGUYEN THANH NAM	4286XX2102	350,000
44	TRAN NGOC TU	4111XX1109	700,000
45	BUI VAN QUYEN	4111XX8107	700,000
46	NGUYEN THI BICH DUNG	4111XX8103	700,000
47	DOAN HUNG VI	4286XX3106	350,000
48	PHAM THI THUY TRANG	4286XX1109	350,000
49	TONG THI DUNG	4286XX7109	350,000
50	NGUYEN MANH TUAN	4111XX0104	700,000
51	DOAN VAN VINH	4111XX9108	700,000
52	DANG THI PHUONG	4286XX3108	350,000
53	TRAN THI LE THUY	4286XX4100	350,000
54	VU VAN HUYEN	4111XX7106	700,000
55	NGUYEN THANH NAM	4286XX6102	350,000
56	CAO MINH VY	4111XX1105	700,000
57	LAM THI CAM LY	4111XX7107	700,000
58	LUU QUOC BAO	4111XX2101	700,000
59	NGUYEN VAN HUNG	4111XX9105	700,000
60	TRINH HOANG MINH	4111XX7102	700,000
61	NGUYEN THI NGOC HIEN	4111XX5102	700,000
62	LE MINH SON	4111XX1102	700,000
63	NGUYEN CAO CUONG	4111XX0105	700,000
64	NGUYEN THI THUY HA	4111XX4106	700,000
65	NGUYEN VAN LINH	4111XX7109	700,000
66	NGUYEN LE T HOANG HAN	4111XX5102	700,000
67	PHAM THI THANH HOA	4111XX7109	700,000
68	PHAM VAN TAM	4111XX4105	700,000
69	NGUYEN DI CUONG	4111XX7108	700,000
70	NGUYEN PHUOC TUAN LOC	4111XX7107	700,000
71	TU DO MINH TRI	4111XX8102	700,000
72	NGUYEN VO THANH	4111XX2106	700,000
73	NGUYEN LUONG BANG	4111XX2109	700,000
74	TRAN TUYET LINH	4111XX6104	700,000
75	NGUYEN DUC HUNG	4111XX9100	700,000
76	PHAN MINH DUC	4286XX3100	350,000
77	TRAN AI THO	4286XX8102	350,000
78	NGUYEN THI BICH DAO	4111XX4109	700,000
79	TRAN NHU DINH	4111XX6107	700,000
80	NGUYEN MAI ANH	4111XX0109	700,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
81	VU NGOC TAN	4111XX2103	700,000
82	NGUYEN THI KIM LIEN	4111XX9105	700,000
83	LE PHUONG THAO	4111XX0100	700,000
84	DOAN HUU KHANH	4111XX5107	700,000
85	NGUYEN THANH TRUNG	4111XX2108	700,000
86	VU MINH TRANG	4286XX4103	350,000
87	NGUYEN DUY PHUC	4111XX0106	700,000
88	NGUYEN VAN DUC	4111XX4100	700,000
89	HUYNH QUANG NGHIA	4111XX8107	700,000
90	TRAN TIEN DUAT	4111XX7105	700,000
91	LE THI PHUONG BAC	4111XX7105	700,000
92	LAI THI KIM CHI	4111XX5102	700,000
93	NGUYEN THI NGUYET	4111XX8101	700,000
94	DANG THI PHUONG HA	4286XX7109	350,000
95	LE HOANG THANH CHI	4111XX6105	700,000
96	DINH THI HIEN	4111XX8107	700,000
97	THOI TRONG SIEU	4111XX5106	700,000
98	NGO THI QUYNH NHU	4111XX5108	700,000
99	TRUONG DAI HAN	4111XX1104	700,000
100	VU VAN CONG	4111XX5101	700,000
101	PHAM MANH HUNG	4286XX7102	350,000
102	NGUYEN THANH TUNG	4286XX4107	350,000
103	PHAM THI HANH	4111XX7109	700,000
104	TRAM NGOC NHA PHUONG	4111XX2106	700,000
105	CHU MINH THUAN	4111XX7109	700,000
106	HA THI CAM VAN	4111XX8106	700,000
107	NGUYEN THANH DO	4111XX5104	700,000
108	NGUYEN T THUY PHUONG	4111XX5104	700,000
109	NGUYEN THI LINH	4111XX0104	700,000
110	HUYNH PHUONG ANH	4111XX8106	700,000
111	NGUYEN THI THU HIEN	4111XX5101	700,000
112	NGUYEN MINH TAN	4111XX0100	700,000
113	BUI THI HA	4111XX1106	700,000
114	NGUYEN THI THANH THUY	4111XX2108	700,000
115	BUI THI BICH NGOC	4111XX3104	700,000
116	NGO VAN HOA	4286XX5100	350,000
117	BUI PHUONG THAO	4111XX4106	700,000
118	NGUYEN HUY DOAN	4111XX8107	700,000
119	LE TUAN DUNG	4111XX5109	700,000
120	TA MY LOI	4111XX6104	700,000
121	TRAN THI CAM NHUNG	4111XX1103	700,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
122	NGUYEN THI HOAI THU	4111XX7100	700,000
123	PHAM MINH TRUNG	4111XX4108	700,000
124	TRAN DINH TUAN	4111XX7101	700,000
125	PHAM VAN VINH	4111XX0109	700,000
126	NGUYEN THE CUONG	4111XX8102	700,000
127	NGUYEN XUAN HUNG	4111XX0104	700,000
128	TRAN THI BICH KIEU	4111XX6108	700,000
129	PHAN DINH TU	4111XX1101	700,000
130	LE THI LAN	4111XX9102	700,000
131	DANG THI DIEP	4111XX6101	700,000
132	HUA THI MAI HUONG	4111XX3102	700,000
133	VUONG THI THUY DUONG	4111XX9109	700,000
134	TRAN THI BICH TRANG	4111XX6109	700,000
135	NGUYEN THI NGOC ANH	4111XX9104	700,000
136	NGUYEN QUANG TUAN	4286XX5108	350,000
137	NGUYEN VAN HUU	4111XX1104	700,000
138	LE HONG CUA	4111XX3103	700,000
139	NONG QUANG DOANH	4111XX6107	700,000
140	NGUYEN HAI HUE	4286XX2109	350,000
141	PHAN THANH AN	4111XX5103	700,000
142	VU THI THUYEN QUYEN	4111XX0101	700,000
143	DINH THAI BAO	4111XX2103	700,000
144	TRAN THI DUYEN	4111XX2107	700,000
145	NGUYEN VAN TINH	4286XX2101	350,000
146	PHAM VAN TU	4111XX5101	700,000
147	PHAN QUOC YEN	4111XX9108	700,000
148	LE NGUYEN KY TRUNG	4111XX1109	700,000
149	LE THANH TRUONG	4111XX0108	700,000
150	NGUYEN VAN LUC	4286XX4108	350,000
151	PHAM NGOC HOANG VY	4111XX8103	700,000
152	NGUYEN THI ANH	4111XX5100	700,000
153	NGUYEN HO MINH THU	4111XX2105	700,000
154	DO PHUONG THAO	4111XX6101	700,000
155	LE NGUYEN KHANG	4111XX3102	700,000
156	TRAN THI THU HIEN	4111XX0105	700,000
157	HO NHAT THANH	4111XX0106	700,000
158	NGUYEN THI TRANG	4111XX4102	700,000
159	VO TRINH NGOC TUYEN	4111XX1103	700,000
160	NGUYEN HUU TINH	4111XX9101	700,000
161	DAO NGOC THUAN	4111XX4100	700,000
162	HUYNH NGOC KIM TRANG	4111XX1106	700,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
163	LE THI HUONG	4286XX8105	350,000
164	PHAN THI THANH HUONG	4111XX8102	700,000
165	DUONG QUOC VAN	4111XX4109	700,000
166	TRUONG THI THANH TRUC	4286XX8104	350,000
167	HUA PHUONG ANH	4286XX9104	350,000
168	NGUYEN THI HOA	4111XX7107	700,000
169	NGUY VU THE MINH	4286XX2104	350,000
170	DINH MY ANH	4111XX4106	700,000
171	BUI THANH TUAN	4111XX4102	700,000
172	PHAM QUOC HUY	4111XX8106	700,000
173	NGUYEN QUANG TUYEN	4111XX7100	700,000
174	LE VAN ANH	4111XX6106	700,000
175	LE VIET HUNG	4111XX5103	700,000
176	DANG THI TRANG	4111XX2107	700,000
177	PHAN NHUT TRUNG	4111XX7109	700,000
178	PHAM TIEN NGOC	4111XX0100	700,000
179	MAI XUAN TRANG	4111XX0104	700,000
180	NGUYEN D HUONG GIANG	4111XX2109	700,000
181	LE NHAT MINH	4111XX1101	700,000
182	NGUYEN THI THANH XUAN	4286XX8100	350,000
183	LE THI VIEN ANH	4286XX2103	350,000
184	HUYNH THAI PHONG	4111XX5109	700,000
185	PHAM HA ANH	4111XX0106	700,000
186	TA QUOC TUAN ANH	4111XX9100	700,000
187	NGUYEN THI NGOC MAI	4111XX9101	700,000
188	VO THI KIM PHUONG	4111XX5100	700,000
189	NGUYEN THI THUY	4111XX7106	700,000
190	TRAN THI TU HOA	4111XX6106	700,000
191	HOANG THI PHUONG	4111XX3103	700,000
192	NGUYEN NHUAN TAM	4111XX1104	700,000
193	NGUYEN MANH QUAN	4111XX4100	700,000
194	TRAN TU OANH	4286XX8104	350,000
195	DANG THI HONG HANH	4111XX9107	700,000
196	NGUYEN THI HANG	4111XX2101	700,000
197	DO QUANG BACH	4286XX3109	350,000
198	CAO CONG TRINH	4111XX1105	700,000
199	NGUYEN HOANG VIET	4111XX3104	700,000
200	DOAN CONG HOANG	4111XX0103	700,000
201	DU HOANG TIN	4111XX7107	700,000
202	TRAN HOAN AN	4111XX3103	700,000
203	TRAN NGOC DIEM	4286XX8109	350,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
204	VAN MINH NU Y LINH	4111XX4108	700,000
205	BUI THI THUY VAN	4111XX3101	700,000
206	NGUYEN NGOC SON	4111XX5101	700,000
207	TRAN THUY DUONG	4111XX0103	700,000
208	NGUYEN TRONG AN	4111XX8100	700,000
209	TRAN TUAN ANH	4111XX5104	700,000
210	TRAN THI XUAN DUNG	4286XX0102	350,000
211	TRAN THI THUY TRANG	4286XX3100	350,000
212	PHAN THI VAN HA	4111XX9104	700,000
213	NGUYEN HOANG VU	4111XX6109	700,000
214	LE THI XUAN BINH	4286XX0103	350,000
215	NGUYEN THI VAN	4111XX5108	700,000
216	TRAN THI NGOC TRAM	4111XX0102	700,000
217	TRINH VIET CHAU	4111XX2101	700,000
218	NGUYEN THI KIM KHANH	4286XX8108	350,000
219	NGUYEN TRONG THAO	4286XX2108	350,000
220	TRAN THI BINH MINH	4286XX4106	350,000
221	BUI HOANG BI	4111XX5109	700,000
222	TRAN THI SAU NHAN	4111XX2103	700,000
223	NGO SA HOANG	4111XX3106	700,000
224	NGO THUY LY LY	4111XX0100	700,000
225	NGUYEN THAI HOANG	4286XX3101	350,000
226	HUYNH HOAI VAN	4111XX8103	700,000
227	MA CHI LOI	4286XX1109	350,000
228	PHAM QUYNH LIEN	4286XX8100	350,000
229	LE QUOC CHINH	4111XX5108	700,000
230	DO THI HANH	4111XX8105	700,000
231	TRAN THUY HANG	4286XX6108	350,000
232	DONG VAN THIEN	4111XX6104	700,000
233	DAM THU HUYEN	5305XX5105	1,500,000
234	PHAM VAN CHAN	4271XX7107	1,500,000
235	HOANG THI NGOC HUYEN	4271XX2100	1,500,000
236	NGU VAN DAO	4271XX7109	1,500,000
237	TA THI LOAN	4271XX9106	1,500,000
238	TRAN MINH ANH	4271XX1101	1,500,000
239	NGUYEN VAN BICH	4271XX5106	1,500,000
240	VU VAN DUNG	4271XX0107	1,500,000
241	THAI NGUYET HA	4271XX6105	1,500,000
242	LE THUY TRANG	4271XX2103	1,500,000
243	NGUYEN PHUC TUAN	4271XX7103	1,500,000
244	BUI THI THOM	4271XX3108	1,500,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
245	TRAN THI THUY NHUNG	4271XX1106	1,500,000
246	HOANG THANH BINH	4271XX8103	1,500,000
247	PHAM ANH TON	4271XX8102	1,500,000
248	NGUYEN VIET HOAN	4271XX6106	1,500,000
249	LE VAN HUY	4271XX4101	1,500,000
250	DANG HONG DUY	4271XX1102	1,500,000
251	NGUYEN KIM CHI	4271XX3100	1,500,000
252	PHAM THE ANH	4271XX6101	1,500,000
253	PHAM ANH TUNG	4271XX1108	1,500,000
254	TRAN THI PHI YEN	4271XX3104	1,500,000
255	NGUYEN ANH TUAN	4271XX0100	1,500,000
256	PHAM DUC THUAN	4271XX2100	1,500,000
257	TRAN THI THU PHUONG	4271XX1102	1,500,000
258	LE THI MINH ANH	4271XX1104	1,500,000
259	NGUYEN MANH HUNG	4271XX9107	1,500,000
260	TRAN THI THANH MAI	4271XX6102	1,500,000
261	NGUYEN THI THU THAO	4271XX0105	1,500,000
262	DINH NGOC VAN	4271XX5105	1,500,000
263	PHAN NGOC THUY HANG	4271XX7103	1,500,000
264	TRAN NGOC KHA	4271XX4101	1,500,000
265	NGUYEN GIANG NAM	4271XX5100	1,500,000
266	LE THI THU HUONG	4271XX6108	1,500,000
267	NGUYEN THANH THAO	5305XX9107	1,500,000
268	NGUYEN TUAN ANH	4271XX3101	1,500,000
269	VU QUANG HUNG	5305XX7101	1,500,000
270	VU LE HIEU	4271XX7108	1,500,000
271	TU MINH CHAU	4271XX8105	1,500,000
272	PHAM VAN NINH	4271XX6109	1,500,000
273	NGUYEN TUAN MINH	4271XX6100	1,500,000
274	HOANG QUOC THINH	4271XX6100	1,500,000
275	HOANG VAN THANG	4271XX9104	1,500,000
276	HOANG THI NGOC NGUYEN	4271XX6102	1,500,000
277	DAO MINH TUYEN	4271XX8107	1,500,000
278	LE VIET HUNG	4271XX9105	1,500,000
279	DO THI NGOC HUYEN	4271XX0103	1,500,000
280	NGUYEN MINH THINH	4271XX4106	1,500,000
281	NGUYEN VAN DOANH	5305XX3100	1,500,000
282	NGUYEN TRAN KHANH	4271XX2109	1,500,000
283	TRUONG CONG TUAN	4271XX1102	1,500,000
284	NGUYEN SY DIEN	4271XX2109	1,500,000
285	DANG THI HUYEN	4271XX5104	1,500,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
286	NGUYEN THI DUNG	4271XX9105	1,500,000
287	VU QUANG DOAN	4271XX8107	1,500,000
288	NGUYEN THI NGOC DIEP	4271XX3109	1,500,000
289	NGUYEN THANH PHONG	4271XX8109	1,500,000
290	TRUONG THI THUY LINH	4271XX2102	1,500,000
291	DUONG DANH HUNG	4271XX6104	1,500,000
292	LE THI THANH TRUC	4271XX0106	1,500,000
293	HUYNH TAN PHUOC	4271XX1104	1,500,000
294	NGUYEN HUY MINH NHAT	4271XX9108	1,500,000
295	TRINH CAO NGUYEN	4271XX5103	1,500,000
296	PHAM HA ANH	4271XX4100	1,500,000
297	PHAN THI YEN	4271XX3102	1,500,000
298	VU TIEN HIEU	4271XX9109	1,500,000
299	DO THE DAN	4271XX9106	1,500,000
300	DOAN THI THU PHUONG	4271XX5107	1,500,000
301	PHAM SON TUNG	4271XX7102	1,500,000
302	HOANG THI UT TAM	4271XX5104	1,500,000
303	NGUYEN TH HONG PHUONG	4271XX0108	1,500,000
304	MAI DANG HAI	4271XX2105	1,500,000
305	TRAN THI NAM HAI	4271XX5105	1,500,000
306	DANG VAN LAM	4271XX7105	1,500,000
307	DAO XUAN TRUONG	4271XX6107	1,500,000
308	NGUYEN THI DIEU HUYEN	4271XX2106	1,500,000
309	LAM THI GIANG	4271XX1103	1,500,000
310	DOAN MINH CUONG	4271XX0104	1,500,000
311	NGUYEN THI NGAN	4271XX0105	1,500,000
312	LE THI THU HUONG	4271XX3109	1,500,000
313	TRAN THI THU HANG	4271XX1103	1,500,000
314	NGUYEN TRUNG NHAT	4271XX3100	1,500,000
315	PHAM DUC LONG	4271XX0106	1,500,000
316	NGO THI NGOC LAN	4271XX5104	1,500,000
317	NGUYEN THU PHUONG	4271XX7100	1,500,000
318	PHUONG TH QUYNH TRANG	4271XX5109	1,500,000
319	NGUYEN THI KIEU OANH	4271XX6103	1,500,000
320	HOANG THI THU XUAN	4271XX4107	1,500,000
321	NGUYEN VAN TOT	4271XX7101	1,500,000
322	PHAM THI PHUONG THAO	4271XX6103	1,500,000
323	NGUYEN DUC HANH	4271XX4109	1,500,000
324	TRAN THI THU HIEN	4271XX3101	1,500,000
325	PHUNG THI HUYEN	4271XX1106	1,500,000
326	TRAN THI THANH HANG	4271XX9100	1,500,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
327	NGUYEN THI YEN	4271XX0109	1,500,000
328	NGUYEN THI THU NGUYET	4271XX8103	1,500,000
329	TRAN THI LAN HUONG	4271XX0108	1,500,000
330	LE DUC QUYET	4271XX8104	1,500,000
331	NGUYEN THI CAM QUYEN	4271XX9102	1,500,000
332	LE NHU QUY	4271XX4103	1,500,000
333	DO THUY AN	4271XX2103	1,500,000
334	HOANG VAN TUAN	4271XX1109	1,500,000
335	TRAN NAM TRUNG	4271XX9104	1,500,000
336	TRAN THANH TUAN	4271XX2109	1,500,000
337	VO MINH NHU	4271XX4100	1,500,000
338	TRAN VAN KINH	4271XX3102	1,500,000
339	NGUYEN HUNG MANH	4271XX1108	1,500,000
340	DAO THI THANH LOAN	4271XX8102	1,500,000
341	TRAN THI SAU NHAN	4271XX5100	1,500,000
342	TRAN THI NGOC ANH	5305XX0107	1,500,000
343	NGUYEN THANH TUNG	4271XX3105	1,500,000
344	VU TAN	4271XX5109	1,500,000
345	LE QUOC HIEP	4271XX7107	1,500,000
346	TRUONG HOANG GIANG	4271XX9104	1,500,000
347	NGO ANH TUAN	4271XX5101	1,500,000
348	BUI THI MAI ANH	4271XX4104	1,500,000
349	PHAN KIM NGA	4271XX9103	1,500,000
350	LA MAU TOAI	4271XX7107	1,500,000
351	LUU THUY DUNG	4271XX0101	1,500,000
352	HUYNH MAN	4271XX6109	1,500,000
353	CAO VU QUYNH CHI	4271XX9108	1,500,000
354	NGUYEN XUAN ANH	4271XX8106	1,500,000
355	HOANG NGOC HIEU	4271XX7108	1,500,000
356	NGUYEN DAC THANG	4271XX4100	1,500,000
357	PHAN THI NGOC SUONG	4271XX4108	1,500,000
358	LE THI VAN	4271XX1100	1,500,000
359	LE MINH THIEN	4271XX5107	1,500,000
360	DO MANH HUNG	4271XX2103	1,500,000
361	HO TRAN MINH QUAN	4271XX9109	1,500,000
362	VO THANH HUNG	4271XX0107	1,500,000
363	NGUYEN THI THANH BINH	4271XX5106	1,500,000
364	TRAN THI THU HUYEN	5305XX2102	1,500,000
365	LUONG THUY BINH	4271XX0108	1,500,000
366	VO HONG DUONG	5305XX6103	1,500,000
367	NGUYEN HUE ANH	4271XX1107	1,500,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
368	DANG MINH SON	4271XX3103	1,500,000
369	NGUYEN THI KHANH HOA	5305XX8101	1,500,000
370	DUONG MINH HUE	5305XX3101	1,500,000
371	VU THI QUYNH HOA	5305XX7102	1,500,000
372	NGUYEN THI TUYET MAI	5305XX4109	1,500,000
373	NGUYEN DUC DUY	5305XX9109	1,500,000
374	LAI THANH NGA	5305XX8100	1,500,000
375	MAI THI TRA MY	4271XX4103	1,500,000
376	TRAN THI THU HA	5305XX7103	1,500,000
377	TRAN THI SAU NHAN	4271XX7105	1,500,000
378	PHUNG THI MAI HUONG	5305XX1105	1,500,000
379	DUONG TIEN DUC	5305XX2103	1,500,000
380	NGUYEN THI THANH TAM	5305XX9108	1,500,000
381	TRINH THI MAI HUONG	5305XX5106	1,500,000
382	NGUYEN QUOC DAT	4271XX8104	1,500,000
383	NGUYEN VIET CUONG	4271XX9103	1,500,000
384	NGUYEN THI THUY HANG	4271XX7107	1,500,000
385	NGUYEN TRUNG DUNG	4271XX6108	1,500,000
386	LE THI THU HUYEN	4271XX1109	1,500,000
387	DINH THI THU HANG	5305XX5105	1,500,000
388	NGUYEN THI NGOC TRINH	4271XX4104	1,500,000
389	PHAM HONG YEN	4271XX9103	1,500,000
390	VUONG QUI BAO	4271XX3106	1,500,000
391	PHAN THI DIEM TRANG	4271XX3106	1,500,000
	Tổng cộng		383,750,000